PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SERICOL

Phần: 1. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Tên sản phẩm	:	SERICOL
Các hình thức nhận dạng khác	:	Không áp dụng.
Cách sử dụng đề xuất	:	Xà phòng giặt
Thông tin về sản phẩm pha loãng	:	0.08 % - 0.2 %
Công ty	:	CÔNG TY TNHH ECOLAB VIỆT NAM Tầng 8, Phòng 8.2B, Tòa nhà E.TOWN 2, số 364, đường Cộng Hòa, Phường 13 Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam TEL: +84 28 3528 5100
Điện thoại khẩn cấp	:	+(84)-444581938
Ngày tháng phát hành đầu tiên	:	30.11.2020

Phần: 2. THÔNG TIN VỀ SỰ NGUY HẠI

Phân loại theo GHS

Sản phẩm nguyên chất

Tính độc cấp (Đường miệng)	:	Nhóm 5
Tính độc cấp (Da)	:	Nhóm 5
Ăn mòn/kích ứng da	:	Nhóm 3
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	:	Nhóm 2A
Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh	:	Nhóm 2
Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh	:	Nhóm 2

Sản phẩm pha loãng
Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

Thành phần nhãn theo GHS

Sản phẩm nguyên chất

Hình đồ cảnh báo :

Từ cảnh báo	:	Cảnh báo
Cảnh báo các nguy cơ	:	Có thể có hại nếu nuốt phải hoặc tiếp xúc với da. Gây kích ứng da nhẹ. Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. Độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.
Bản tuyên bố các biện pháp phòng ngừa	:	**Biện pháp phòng ngừa:** Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất. Tránh thải sản

phẩm hóa chất ra môi trường. Đeo các thiết bị bảo vệ mặt/ mắt.
Sơ cứu/Cấp cứu:
NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe. Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế. Nếu kích ứng mắt tiếp tục kéo dài: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế. Thu hồi chất tràn đổ.
Việc thải bỏ:
Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Sản phẩm pha loãng

Bản tuyên bố các biện pháp phòng ngừa	:	**Biện pháp phòng ngừa:** Rửa tay thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất. **Sơ cứu/Cấp cứu:** Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế nếu cảm thấy không khỏe. **Lưu trữ:** Lưu trữ theo các quy định của địa phương.

Sản phẩm nguyên chất

Các nguy cơ khác	:	Được biết là chưa xảy ra.

Phần: 3. THÀNH PHẦN/ THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Sản phẩm nguyên chất

Đơn chất/Hỗn hợp chất	:	Hỗn hợp

Tên hóa học	**Số CAS**	**Nồng độ: (%)**
Alkylphenol ethoxylates	9016-45-9	70 - 100

Sản phẩm pha loãng

Không có thành phần nguyên liệu nguy hại.

Phần: 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Sản phẩm nguyên chất

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt	:	Ngay lập tức rửa bằng thật nhiều nước, và cả các mí mắt, trong ít nhất 15 phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và dễ làm. Tiếp tục rửa. Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da	:	Rửa bằng thật nhiều nước.
Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa	:	Súc miệng. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu xuất hiện các triệu chứng.
Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp	:	Chuyển đến nơi thoáng khí. Điều trị theo triệu chứng. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu xuất hiện các triệu chứng.
Bảo vệ người sơ cứu	:	Nếu có nguy cơ bị nhiễm thì hãy đọc chương 8 về trang bị bảo hộ cá nhân.
Lưu ý đối với bác sỹ điều trị	:	Điều trị theo triệu chứng.
Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, cả	:	Xem phần 11 để biết thêm thông tin chi tiết về hậu quả và triệu chứng liên quan đến sức khoẻ.

cấp tính và lâu dài

Sản phẩm pha loãng

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt	:	Rửa bằng thật nhiều nước.
Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da	:	Rửa bằng thật nhiều nước.
Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa	:	Súc miệng. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu xuất hiện các triệu chứng.
Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp	:	Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu xuất hiện các triệu chứng.

Phần: 5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Sản phẩm nguyên chất

Các phương tiện cứu hỏa phù hợp	:	Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
Các phương tiện chữa cháy không phù hợp	:	Được biết là chưa xảy ra.
Các nguy cơ cụ thể khi cứu hỏa	:	Không dễ cháy hoặc dễ bắt lửa.
Các sản phẩm cháy nguy hại	:	sản phẩm phân huỷ bao gồm các chất sau Carbon ôxit
Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa	:	Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.
Các phương pháp cứu hỏa cụ thể	:	Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Nước này không được đổ vào cống thoát nước chung. Tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn phải được thải phù hợp với các quy định địa phương. Trong trường hợp cháy và/hoặc nổ, không hít thở khói.

Phần: 6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Sản phẩm nguyên chất

Sự phòng ngừa, các thiết bị bảo hộ cá nhân và quy trình ứng phó khẩn cấp	:	Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Giữ mọi người tránh xa khỏi khu vực hoá chất bị tràn đổ/rò rỉ và tránh hướng gió thổi. Tránh hít phải, nuốt phải hoặc tiếp xúc với da và mắt. Khi công nhân làm việc trong điều kiện nồng độ vượt quá giới hạn phơi nhiễm thì họ phải đeo mặt nạ phòng độc đủ tiêu chuẩn. Việc làm sạch chỉ được thực hiện bởi nhân viên đã huấn luyện Tham khảo các biện pháp bảo hộ liệt kê trong phần 7 và 8.
Các biện pháp phòng ngừa về môi trường	:	Không để tiếp xúc với đất, nước mặt và nước ngầm.
Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch	:	Ngưng chỗ rò rỉ nếu có thể thực hiện một cách an toàn. Ngăn chặn sự tràn đổ, sau đó thu gom bằng vật liệu thấm không cháy (e.g. cát, đất, đất diatomit, chất khoáng) và giữ trong thùng chứa để tiêu hủy theo quy định nhà nước/địa phương (xem phần 13). Xả sạch các lượng còn sót lại bằng nước. Đối với vùng loang rộng, đào rãnh quanh vật liệu bị tràn hoặc nếu không thì ngăn chặn vật liệu

lại không cho chảy vào nguồn nước.

Sản phẩm pha loãng		
Sự phòng ngừa, các thiết bị bảo hộ cá nhân và quy trình ứng phó khẩn cấp	:	Tham khảo các biện pháp bảo hộ liệt kê trong phần 7 và 8.
Các biện pháp phòng ngừa về môi trường	:	Không có yêu cầu đặc biệt nào về mặt an toàn môi trường.
Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch	:	Ngưng chỗ rò rỉ nếu có thể thực hiện một cách an toàn. Ngăn chặn sự tràn đổ, sau đó thu gom bằng vật liệu thấm không cháy (e.g. cát, đất, đất diatomit, chất khoáng) và giữ trong thùng chứa để tiêu hủy theo quy định nhà nước/địa phương (xem phần 13). Xả sạch các lượng còn sót lại bằng nước. Đối với vùng loang rộng, đào rãnh quanh vật liệu bị tràn hoặc nếu không thì ngăn chặn vật liệu lại không cho chảy vào nguồn nước.

Phần: 7. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Sản phẩm nguyên chất		
Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn	:	Không được ăn. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Không được hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ bụi nước. Rửa tay thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất. Không để hóa chất rơi vào mắt, lên da, hoặc quần áo. Nếu máy móc không hoạt động bình thường, hay khi tiếp xúc với sản phẩm mà không biết độ pha loãng, hãy mặc đồ bảo hộ lao động (PPE).
Các điều kiện lưu giữ an toàn	:	Để xa tầm tay của trẻ. Đóng chặt thùng chứa. Bảo quản trong thùng chứa phù hợp có dán nhãn.
Nhiệt độ lưu giữ	:	-15 °C tới 50 °C
Sản phẩm pha loãng		
Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn	:	Rửa tay sau khi thao tác với hoá chất. Nếu máy móc không hoạt động bình thường, hay khi tiếp xúc với sản phẩm mà không biết độ pha loãng, hãy mặc đồ bảo hộ lao động (PPE). Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.
Các điều kiện lưu giữ an toàn	:	Để xa tầm tay của trẻ. Đóng chặt thùng chứa. Bảo quản trong thùng chứa phù hợp có dán nhãn.

Phần: 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO HỘ CÁ NHÂN

Sản phẩm nguyên chất
Các thành phần có giới hạn kiểm soát nơi làm việc

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Các biện pháp kỹ thuật	:	Một hệ thống thông khí chung tốt sẽ đủ khả năng để kiểm soát mức độ phơi nhiễm của công nhân với các loại khí độc hại.

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ mắt	:	Kính bảo hộ Mạng che mặt

Bảo vệ tay	:	Không có yêu cầu đặc biệt nào về thiết bị bảo hộ.
Bảo vệ da	:	Không có yêu cầu đặc biệt nào về thiết bị bảo hộ.
Bảo vệ hô hấp	:	Khi công nhân làm việc trong điều kiện nồng độ vượt quá giới hạn phơi nhiễm thì họ phải đeo mặt nạ phòng độc đủ tiêu chuẩn.
Các biện pháp vệ sinh	:	Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp. Cởi và rửa quần áo nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng. Rửa sạch mặt, tay và bất kỳ phần da nào đã tiếp xúc với hoá chất thật kỹ sau khi thao tác. Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện cho việc làm ướt hoặc dội nước nhanh cho mắt và cơ thể trong trường hợp có tiếp xúc hoặc nguy cơ bị văng hóa chất.

Sản phẩm pha loãng

Các biện pháp kỹ thuật	:	Một hệ thống thông khí chung tốt sẽ đủ khả năng để kiểm soát mức độ phơi nhiễm của công nhân với các loại khí độc hại.

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ mắt	:	Không có yêu cầu đặc biệt nào về thiết bị bảo hộ.
Bảo vệ tay	:	Không có yêu cầu đặc biệt nào về thiết bị bảo hộ.
Bảo vệ da	:	Không có yêu cầu đặc biệt nào về thiết bị bảo hộ.
Bảo vệ hô hấp	:	Thông thường không yêu cầu các thiết bị bảo hộ hô hấp cá nhân.

Phần: 9. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CỦA HÓA CHẤT

		Sản phẩm nguyên chất	Sản phẩm pha loãng
Trạng thái	:	thể lỏng	thể lỏng
Màu sắc	:	trong suốt, Không màu	Không màu
Mùi	:	không mùi	không mùi
Độ pH	:	6.0 - 8.0, (100 %)	6.0 - 8.0
Điểm chớp cháy	:	Không áp dụng., Không duy trì sự cháy	
Ngưỡng mùi	:	chưa có dữ liệu	
Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc	:	chưa có dữ liệu	
Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu	:	> 100 °C	
Tỷ lệ hóa hơi	:	chưa có dữ liệu	
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	:	Không áp dụng.	
Ngưỡng nổ trên	:	chưa có dữ liệu	
Ngưỡng nổ dưới	:	chưa có dữ liệu	
Áp suất hơi	:	chưa có dữ liệu	
Tỷ trọng hơi tương đối	:	chưa có dữ liệu	
Tỷ trọng tương đối	:	1.038 - 1.042	
Khả năng hòa tan trong	:	hòa tan được	

nước		
Độ hòa tan trong các dung môi khác	:	chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Phân hủy do nhiệt	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt, động học	:	chưa có dữ liệu
Đặc tính cháy nổ	:	chưa có dữ liệu
Đặc tính ôxy hóa	:	Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.
Trọng lượng phân tử	:	chưa có dữ liệu
VOC	:	chưa có dữ liệu

Phần: 10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Sản phẩm nguyên chất

Tính phản ứng	:	Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Tính ổn định hóa học	:	Ổn định trong các điều kiện thông thường.
Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hại	:	Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Các điều kiện cần tránh	:	Được biết là chưa xảy ra.
Các vật liệu xung khắc	:	Axit Bazơ
Các sản phẩm phân hủy nguy hại	:	Khi có cháy sẽ tạo ra các sản phẩm phân hủy nguy hại như: Carbon ôxit

Phần: 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các con đường phơi nhiễm có thể.	:	Hít phải, Tiếp xúc với mắt, Tiếp xúc với da

Các ảnh hưởng tiềm tàng tới sức khoẻ

Sản phẩm nguyên chất

Mắt	:	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
Da	:	Có thể có hại khi tiếp xúc với da. Gây kích ứng da nhẹ.
Ăn uống	:	Có thể gây hại nếu nuốt phải.
Hít phải	:	Hiện chưa biết các tổn thương về sức khoẻ hoặc được cho là không có khi sử dụng trong điều kiện bình thường.
Phơi nhiễm Mãn tính	:	Hiện chưa biết các tổn thương về sức khoẻ hoặc được cho là không có khi sử dụng trong điều kiện bình thường.

Sản phẩm pha loãng

Mắt	:	Hiện chưa biết các tổn thương về sức khoẻ hoặc được cho là không

		có khi sử dụng trong điều kiện bình thường.
Da	:	Hiện chưa biết các tổn thương về sức khoẻ hoặc được cho là không có khi sử dụng trong điều kiện bình thường.
Ăn uống	:	Hiện chưa biết các tổn thương về sức khoẻ hoặc được cho là không có khi sử dụng trong điều kiện bình thường.
Hít phải	:	Hiện chưa biết các tổn thương về sức khoẻ hoặc được cho là không có khi sử dụng trong điều kiện bình thường.
Phơi nhiễm Mãn tính	:	Hiện chưa biết các tổn thương về sức khoẻ hoặc được cho là không có khi sử dụng trong điều kiện bình thường.

Kinh nghiệm về phơi nhiễm ở người

Sản phẩm nguyên chất

Tiếp xúc với mắt	:	đỏ, Đau, Kích ứng
Tiếp xúc với da	:	Kích ứng nhẹ, đỏ
Nuốt phải	:	Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có.
Hít phải	:	Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có.

Sản phẩm pha loãng

Tiếp xúc với mắt	:	Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có.
Tiếp xúc với da	:	Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có.
Nuốt phải	:	Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có.
Hít phải	:	Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có.

Độc tính

Sản phẩm nguyên chất
Sản phẩm

Độc tính cấp theo đường miệng	:	Ước lượng độc tính cấp : 2,591 mg/kg
Độc tính cấp do hít phải	:	chưa có dữ liệu
Độc tính cấp qua da	:	Ước lượng độc tính cấp : 2,831 mg/kg
Kích ứng/ăn mòn da	:	chưa có dữ liệu
Tổn thương mắt nghiêm trọng/làm rát tấy mắt	:	chưa có dữ liệu
Nhạy cảm với hô hấp hoặc da	:	chưa có dữ liệu
Độc tính gây ung thư	:	chưa có dữ liệu
Các ảnh hưởng tới sinh sản	:	chưa có dữ liệu
Khả năng gây đột biến tế bào mầm	:	chưa có dữ liệu
Độc tính gây quái thai	:	chưa có dữ liệu
STOT - Tiếp xúc một lần	:	chưa có dữ liệu

STOT - Tiếp xúc lặp lại	:	chưa có dữ liệu
Độc tính hô hấp	:	chưa có dữ liệu

Phần: 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Sản phẩm nguyên chất
Độc sinh thái

Tác động tới môi trường	:	Độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

Sản phẩm

Độc đối với cá	:	chưa có dữ liệu
Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác	:	chưa có dữ liệu
Độc đối với tảo	:	chưa có dữ liệu

Thành phần

Độc đối với cá	:	Alkylphenol ethoxylates 96 h LC50 Cá: 1.3 mg/l

Độ bền và khả năng phân hủy

Sản phẩm nguyên chất
Khả năng phân hủy kém.

Khả năng tích lũy sinh học

chưa có dữ liệu

Lưu động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

Phần: 13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Sản phẩm nguyên chất

Các phương pháp tiêu hủy	:	Không được đổ sản phẩm vào cống, rãnh, mương, máng, nơi nước chảy hoặc vứt xuống đất. Trong trường hợp có thể, việc tái chế được ưu tiên hơn so với việc loại bỏ hoặc thiêu đốt. Nếu việc tái chế là không khả thi, hãy thải loại phù hợp với các quy định địa phương. Loại bỏ chất thải trong một cơ sở xử lý chất thải có giấy phép.
Các lưu ý về tiêu hủy	:	Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng. Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng. Thải bỏ phù hợp theo các Quy định của địa phương, bang và liên bang.

Sản phẩm pha loãng

Các phương pháp tiêu hủy	:	Sản phẩm pha loãng có thể thải vào đường ống vệ sinh.
Các lưu ý về tiêu hủy	:	Thải bỏ phù hợp theo các Quy định của địa phương, bang và liên bang.

Phần: 14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Sản phẩm nguyên chất

Người vận chuyển/người nhận hàng/người gửi hàng chịu trách nhiệm bảo đảm rằng loại bao bì, nhãn và ký hiệu là phù hợp với phương thức vận chuyển đã được chỉ định.

Vận tải mặt đất

Số-UN	:	3082
Mô tả hàng hóa	:	Các chất lỏng ảnh hưởng đến môi trường, N.O.S. (Nonylphenol ethoxylate)
Hạng	:	9
Nhóm đóng gói	:	III
Mã Hazchem	:	-
Nguy hại với môi trường	:	Có

Vận tải đường biển (IMDG/IMO)

Số-UN	:	3082
Mô tả hàng hóa	:	Các chất lỏng ảnh hưởng đến môi trường, N.O.S. (Nonylphenol ethoxylate)
Hạng	:	9
Nhóm đóng gói	:	III
Chất gây ô nhiễm biển	:	Có

Phần: 15. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

CÁC QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH, VIỆT NAM

Luật Hóa chất (Luật số 06/2007/QH12)
Quy định Danh mục hàng nguy hiểm và Vận tải đường bộ hàng hóa nguy hiểm (104/2009/NĐ-CP)
Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa Chất (Nghị Định số 113/2017/NĐ-CP)
Ghi nhãn hàng hoá (43/2017/NĐ-CP)
Ban hành Danh mục hàng nguy hiểm và Vận tải đường thủy nội địa (29/2005/ND-CP)
Thông tư: 32/2017/TT-BCT
Thông tư: 44/2012/TT-BCT

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

Bảng thống kê TSCA của Mỹ :
Tất cả các chất được liệt kê là hoạt động trong bản kiểm kê TSCA

Danh sách các chất nội địa của Canada :
Tất cả các thành phần của sản phẩm này đều có trong Danh sách DSL do Canada ban hành

Úc. Luật hóa chất công nghiệp (Sự khai báo và đánh giá) :
Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

New Zealand. Bảng thống kê các loại hóa chất (NZIoC), được ban hành bởi ERMA New Zealand. :
chưa được xác định

Nhật Bản. ENCS - Bảng thống kê các hóa chất mới và hiện tại. :
chưa được xác định

Hàn Quốc - Bảng thống kê các hóa chất hiện tại của Hàn Quốc (KECI) :

Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

Bảng thống kê các hóa chất và chất có tính hóa học của Philippines (PICCS) :
Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

Trung Quốc. Bảng thống kê các hóa chất hiện tại. :
Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

Tồn kho hóa chất của Đài Loan :
Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

Phần: 16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng phát hành đầu tiên	:	30.11.2020
Ngày ban hành đầu tiên	:	18.03.2016
Phiên bản	:	1.2A
Chuẩn bị bởi	:	Regulatory Affairs

THÔNG TIN ĐÃ SỬA ĐỔI: những thay đổi cần thiết đối với quy định hoặc thông tin sức khoẻ của bản sửa này được chỉ theo một vạch bên lề trái của MSDS

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.